

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình cấp điện nông thôn  
tỉnh Sơn La năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 239/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 240/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 243/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh về phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh về phê chuẩn phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh và mức bổ sung cân đối ngân sách cấp huyện, thành phố năm 2021;*

*Theo đề nghị của Sở Công thương tại Tờ trình số 06/TTr-SCT ngày 18/01/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình cấp điện nông thôn tỉnh Sơn La năm 2021 (có Kế hoạch kèm theo).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch đã được phê duyệt tại Điều 1.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ thẩm quyền được giao tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch này. *qd*

3. UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch, giải pháp và tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông Vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Công ty điện lực Sơn La; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương (b/c)
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c)
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Công thông tin điện tử;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, *Biên KT.* 30 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Minh**

## KẾ HOẠCH

### Triển khai Chương trình cấp điện nông thôn tỉnh Sơn La năm 2021

*(Kèm theo Quyết định số 131 /QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh)*

#### I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020 (gọi tắt là chương trình 2081);

Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016-2020;

Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Sơn La;

Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc Gia tỉnh Sơn La giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Sơn La, về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của dự án đầu tư xây dựng công trình Cấp điện nông thôn từ lưới Quốc gia, tỉnh Sơn La giai đoạn 2016-2020;

#### II. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Phần đầu tỷ lệ số hộ trên địa bàn tỉnh được sử dụng điện an toàn đạt trên 98%, vượt chỉ tiêu HDND tỉnh giao.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

Năm 2021 phần đầu đầu tư cấp điện cho 5.950 hộ. Trong đó đầu tư mới cho 4.920 hộ tại 48 bản và các cụm dân cư chưa được sử dụng điện, nâng cấp đầu tư điện an toàn cho 1.030 hộ. Cụ thể:

- Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia do Sở Công Thương làm chủ đầu tư cấp điện cho 2.943 hộ, trong đó đầu tư mới cho 1.913 hộ tại 48 bản và các cụm dân cư, nâng cấp đầu tư điện an toàn cho 1.030 hộ.

- Ngành điện đầu tư phát triển công tơ mới 3.000 hộ.

- Các huyện đầu tư cấp điện cho 7 hộ.

*(Chi tiết tại phụ lục 01, 02, 03 kèm theo)*

### III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP

#### 1. Nhiệm vụ trọng tâm

##### 1.1. **Đẩy nhanh tiến độ các Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia:**

- Tiếp tục thực hiện các gói thầu đã triển khai năm 2020 tại các huyện Phù Yên, Sông Mã, Bắc Yên, hoàn thành đầu tư cấp điện cho 2.228 hộ.

- Triển khai lựa chọn nhà thầu, tổ chức thực hiện các gói thầu còn lại của dự án điều chỉnh cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020, hoàn thành đầu tư cấp điện cho 2.943 hộ.

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, phê duyệt Tiêu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Sơn La (đã được HĐND tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 28/2/2020). Tổ chức lập, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, lựa chọn nhà thầu và tổ chức thực hiện đầu tư cấp điện cho khoảng 1.091 hộ.

- Lập dự án cấp điện ngoài lưới cho các hộ dân tại các vùng có điều kiện phát triển.

*(Chi tiết tại phụ lục 04 kèm theo)*

##### 1.2. **Phát triển công tơ mới cho các hộ dân tại các vùng đã được cấp điện cho khoảng 3.000 hộ.**

##### 1.3. **Dự án các huyện đầu tư cấp điện nông thôn cho 7 hộ.**

#### 2. Giải pháp thực hiện

##### 2.1. **Giải pháp về vốn đầu tư**

- Chủ động tầm việc với các bộ ngành Trung ương trong việc cân đối kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho chương trình điện nông thôn tỉnh Sơn La (từ nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi do WB tài trợ).

- Ngành điện huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp, cấp điện an toàn và đầu tư phát triển công tơ mới cho các hộ dân phát sinh tại các vùng đã được cấp điện.

- Các huyện, thành phố lồng ghép các chương trình dự án, các nguồn vốn để đầu tư cấp điện cho các hộ gia đình trên địa bàn.

- Tiếp tục cân đối nguồn ngân sách tỉnh để đối ứng cho dự án (như nguồn thu tiền sử dụng đất 80 tỷ chưa được phân bổ), nguồn vốn sự nghiệp kinh tế 20 tỷ đồng.

- Ưu tiên cân đối nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách trung ương, vốn ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp kinh tế, nguồn thu từ sử dụng đất) để thực hiện các dự án cấp điện nông thôn. Dự kiến tổng nhu cầu vốn năm 2021 thực hiện chương trình điện nông thôn là 337,645 tỷ đồng.

Trong đó: + Nguồn vốn thực hiện các dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia là 252,856 tỷ đồng, gồm: Ngân sách Trung ương: 182,856 tỷ đồng; vốn sự nghiệp kinh tế của tỉnh: 20 tỷ đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất: 50 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn lồng ghép của các huyện: 1,1 tỷ đồng

*(Chi tiết tại phụ lục số 05 kèm theo)*

## **2.2. Giải pháp về đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng**

- Triển khai thực hiện tốt “Một số quy định về giải phóng mặt bằng” để đảm bảo tiến độ thi công công trình cấp điện, theo văn bản số 1149/UBND-KT ngày 18/4/2017 của UBND tỉnh và theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2018 và Luật đất đai năm 2013.

- UBND các huyện, thành phố: Căn cứ vào kế hoạch đầu tư, xây dựng kế hoạch giải phóng mặt bằng đảm bảo theo hướng tuyến và tiến độ dự án điện đã được phê duyệt. Chủ động phối hợp với chủ đầu tư, các đơn vị thi công kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai.

## **2.3. Giải pháp về quản lý dự án:**

Các chủ đầu tư căn cứ vào kế hoạch đầu tư năm 2021, xây dựng kế hoạch triển khai các dự án đảm bảo quy trình, thủ tục và tiến độ. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các gói thầu. Phân đấu hoàn thành đóng điện cho các hộ dân trong thời gian sớm nhất để phát huy hiệu quả vốn đầu tư, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.

## **2.4. Giải pháp về tiết kiệm chi phí trong đầu tư**

- Triển khai thực hiện tốt một số quy định về tiết kiệm đầu tư và giải phóng mặt bằng trong triển khai dự án đầu tư cấp điện nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2017 - 2020. Trong đó, tập trung vào các nội dung: Thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp trong thiết kế để giảm đến mức tối đa chi phí đầu tư xây dựng; Cho phép áp dụng thiết kế định hình trong thiết kế thi công đối với lưới điện hạ thế; giảm hoặc không thu phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán công trình; tiết kiệm chi phí trong công tác giám sát; thẩm tra tính hiệu quả của dự án; chi phí bảo hiểm công trình và các chi phí khác nhưng đảm bảo chất lượng và hiệu quả của dự án.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia hiến đất và kinh phí hỗ trợ di chuyển tài sản ... giảm đến mức tối đa chi phí hỗ trợ, giải phóng mặt bằng trong đầu tư lưới điện.

**2.5. Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các ngành và UBND các huyện, thành phố, các đơn vị quản lý dự án:** kịp thời thông tin báo cáo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Giao Sở Công Thương**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, Công ty điện lực Sơn La triển khai thực hiện kế hoạch

- Chủ trì, tham mưu giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, đề xuất với UBND tỉnh các nội dung vượt thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh huy động các nguồn lực để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực kế hoạch triển khai các dự án cấp điện nông thôn theo quy định. *9/1*

**2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:** chủ trì, tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh huy động nguồn lực, cân đối các nguồn vốn đầu tư, ưu tiên bố trí để đáp ứng đủ vốn triển khai dự án theo tiến độ.

**3. Giao Sở Tài Chính:** chủ trì, tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh ưu tiên nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh; Hướng dẫn UBND các huyện bố trí vốn ngân sách địa phương đảm bảo chi cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đúng tiến độ.

**4. Giao UBND các huyện, thành phố**

- Xây dựng kế hoạch đầu tư cấp điện cho các hộ dân trên địa bàn phù hợp với kế hoạch, tiến độ đầu tư của các dự án cấp điện của tỉnh;

- Chủ trì thực hiện công tác hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng cho tất cả các dự án cấp điện nông thôn trên địa bàn; Tham mưu cho Ban Thường vụ huyện ủy chỉ đạo các xã, bản, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân hiến đất để thực hiện dự án.

- Phối hợp với các ngành chức năng, UBND huyện giáp ranh, Công ty Điện lực Sơn La, các đơn vị thi công triển khai đảm bảo tiến độ, kế hoạch giải phóng mặt bằng thi công trên địa bàn;

**5. Giao Công ty Điện lực Sơn La**

- Phối hợp với các ngành, UBND cấp huyện đẩy nhanh hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng để đảm bảo tiến độ.

- Tiếp tục huy động nguồn vốn của Ngành điện; thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí và quản lý dự án để tăng số hộ được cấp điện từ lưới điện quốc gia.

**6. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông:** căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình, phối hợp với UBND cấp huyện tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đảm bảo tiến độ giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố báo cáo, đề xuất giải pháp tháo gỡ gửi Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết kịp thời, phù hợp với thực tế, đảm bảo theo quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh



**Phụ lục 01:**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH CẤP ĐIỆN TỈNH SƠN LA NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Tổng số hộ đầu tư năm 2021			Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia			Ngành điện đầu tư			DA do các huyện làm chủ đầu tư số hộ chưa có điện
		Tổng số hộ	Trong đó		Tổng số hộ	Trong đó		Tổng số hộ	Trong đó		
			Tổng số hộ chưa có điện	Số dân tự kéo chưa đảm bảo an toàn		Số hộ chưa có điện	Số dân tự kéo chưa đảm bảo an toàn		Số hộ chưa có điện	Số dân tự kéo chưa đảm bảo an toàn	
<b>Tổng cộng theo DA</b>		<b>5.950</b>	<b>4.920</b>	<b>1.030</b>	<b>2.943</b>	<b>1.913</b>	<b>1.030</b>	<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	<b>0</b>	<b>7</b>
1	Thuận Châu	358	50	308	358	50	308				
2	Quỳnh Nhai	0	0	0	0						
3	Mường La	364	213	151	364	213	151				
4	Bắc Yên	0	0	0	0						
5	Phù Yên	0	0	0	0						
6	Mai Sơn	1.173	814	359	1.173	814	359				
7	Sông Mã	55	55	0	55	55					
8	Sốp Cộp	720	560	160	713	553	160				7
9	Vân Hồ	217	165	52	217	165	52				
10	Yên Châu	63	63	0	63	63					
	Phát triển công tơ mới	3.000	3.000					3.000	3.000		



## Phụ lục 02:

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SỐ HỘ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐIỆN NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh)


**1. Tổng hợp chung**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: hộ</i>	
	<i>Năm 2020</i>	<i>Năm 2021</i>
- Tổng số hộ trên địa bàn tỉnh:	297.700	301.254
- Tổng số hộ được đầu tư tăng thêm:	9.744	4.920
- Tổng số hộ được dùng điện:	290.291	295.211
- Tỷ lệ số hộ được dùng điện:	97,5	98,0

**2. Số hộ được sử dụng điện tăng thêm theo dự án**

TT	Huyện	Cộng theo huyện	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia	Dự án do ngành Điện đầu tư	Dự án do các huyện làm chủ đầu tư
<b>Tổng cộng theo DA</b>		<b>4.920</b>	<b>1.913</b>	<b>3.000</b>	<b>7</b>
1	Thuận Châu	50	50	0	0
2	Quỳnh Nhai	0	0	0	0





3	Mường La	213	213	0	0
4	Bắc Yên	0	0	0	0
5	Phù Yên	0	0	0	0
6	Mai Sơn	814	814	0	0
7	Sông Mã	55	55	0	0
8	Sốp Cộp	560	553	0	7
9	Vân Hồ	165	165	0	0
10	Yên Châu	63	63	0	0
	Phát triển công tơ mới	3.000	0	3.000	0



**Phụ lục 03:**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỆN KHÍ HÓA NÔNG THÔN THEO KẾ HOẠCH ĐẾN HẾT NĂM 2021**

*(Kèm theo Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh)*

TT	Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Số thôn, bản toàn tỉnh đến hết năm 2021				Số hộ toàn tỉnh đến hết năm 2021			
		Tổng	Có điện	Trong đó:	Tỷ lệ	Tổng	Có điện	Trong đó:	Tỷ lệ
				Số bản, cụm dân cư chưa được sử dụng điện				Số hộ được cấp mới	
		(bản)	(bản)	(bản)	(%)	(hộ)	(hộ)	(hộ)	(%)
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.726</b>	<b>2.726</b>	<b>51</b>	<b>100</b>	<b>301.254</b>	<b>295.211</b>	<b>4.920</b>	<b>98,0</b>
1	Thành Phố	146	146	0	100	29.779	29.779	310	100
2	Bắc Yên	109	109	0	100	14.221	13.914	140	97,8
3	Mai Sơn	402	402	27	100	40.653	39.734	1.204	97,7
4	Mộc Châu	196	196	0	100	30.517	30.244	350	99,1
5	Vân Hồ	124	124	9	100	15.351	15.042	305	98,0
6	Mường La	206	206	3	100	22.795	21.923	467	96,2
7	Phù Yên	215	215	0	100	29.343	29.048	200	99,0
8	Quỳnh Nhai	109	109	0	100	14.470	14.126	166	97,6
9	Sông Mã	425	425	0	100	34.175	32.899	405	96,3
10	Sốp Cộp	106	106	7	100	11.398	11.229	660	98,5
11	Thuận Châu	501	501	2	100	38.800	37.753	450	97,3
12	Yên Châu	187	187	3	100	19.752	19.520	263	98,8

**Phụ lục 04:****DANH SÁCH CÁC XÃ, BẢN ĐƯỢC ĐẦU TƯ TỪ DỰ ÁN ĐIỆN NÔNG THÔN**

(Kèm theo Quyết định số 131 /QĐ-UBND ngày 25 /01/2021 của UBND tỉnh)


TT	Tên bản	Đầu tư năm 2020			Tổng dự toán
		Tổng số hộ	Trong đó số hộ chưa được sử dụng điện	Số bản, cụm dân cư chưa được sử dụng điện	
<b>TỔNG CỘNG</b>		2.943	1.913	48	161.449.258.000
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN CẤP ĐIỆN NÔNG THÔN TỪ LƯỚI ĐIỆN QUỐC GIA TỈNH SƠN LA, GIAI ĐOẠN 2016 -2020</b>	2.943	1.913	48	161.449.258.000
<b>I</b>	<b>Huyện Vân Hồ</b>	217	165	2	<b>11.937.568.000</b>
<i>1</i>	<i>Xã Chiềng Yên</i>	15	15	1	
	Bản Cò Hào	15	15	1	
<i>2</i>	<i>Xã Tân Xuân</i>	152	100	1	
	Bản Láy	21			
	Bản Cột Mốc	23			
	Bản Sa Lai	108	100	1	
<i>3</i>	<i>Xã Lóng Luông</i>	50	50		
	Bản Co Lóng (khu Hang Tê)	50	50		
<b>II</b>	<b>Huyện Yên Châu</b>	63	63	1	
<i>1</i>	<i>Xã Sấp Vạt</i>	63	63	1	



TT	Tên bản	Đầu tư năm 2020			Tổng dự toán
		Tổng số hộ	Trong đó số hộ chưa được sử dụng điện	Số bản, cụm dân cư chưa được sử dụng điện	
	Bản Khổng	63	63	1	
<b>III</b>	<b>Huyện Mường La</b>	<b>364</b>	<b>213</b>	<b>3</b>	<b>23.214.328.000</b>
1	<i>Xã Ngọc Chiến</i>	151	0	0	
	Bản Nà Tâu	88			
	Bản Đông Lông	18			
	Bản Phày	30			
	Bản Phiêng Ái	15			
2	<i>Xã Chiềng Ân</i>	33	33	1	
	Bản Pá Xá Hồng	33	33	1	
3	<i>Xã Chiềng Công</i>	180	180	2	
	Bản Khao Lao dưới	39	39	1	
	Bản Nậm Hồng	141	141	1	
<b>IV</b>	<b>Huyện Thuận Châu</b>	<b>358</b>	<b>50</b>	<b>2</b>	
1	<i>Xã Nậm Lầu</i>	174	21	1	
	Bản Pài	64			
	Bản Thảm phé	19			
	Bản Nậm Lậu	32			
	Bản Nong	38			
	Bản Huổi Xưa	21	21	1	



TT	Tên bản	Đầu tư năm 2020			Tổng dự toán
		Tổng số hộ	Trong đó số hộ chưa được sử dụng điện	Số bản, cụm dân cư chưa được sử dụng điện	
2	<i>Xã Mường Bám</i>	57			
	Bản Nà Cầu	57			
9	<i>Xã Chiềng Ly</i>	127	29	1	
	Bản Đông (Nhóm Phiêng Biêng)	34			
	Bản Bó Nưa	64			
	Bản Nà Lanh	29	29	1	
<b>V</b>	<b>Huyện Sốp Cộp</b>	<b>713</b>	<b>553</b>	<b>11</b>	<b>54.211.057.000</b>
1	<i>Xã Mường Và</i>	139	53	2	
	Bản Pá Khoang	35	35	1	
	Bản Tông	46			
	Bản Sỏm Pỏi	40			
	Bản Huổi Pót	18	18	1	
2	<i>Xã Mường Lò</i>	304	304	5	
	Bản Huổi Áng	47	47	1	
	Bản Huổi Luông	81	81	1	
	Bản Nà Chòm	25	25	1	
	Bản Pá Khoang	57	57	1	
	Bản Nặm Khún	27	27	1	
	Bản Huổi Lạ	53	53	1	



TT	Tên bản	Đầu tư năm 2020			Tổng dự toán
		Tổng số hộ	Trong đó số hộ chưa được sử dụng điện	Số bản, cụm dân cư chưa được sử dụng điện	
	Bản Nậm Pùn	14	14	1	bổ sung
3	<i>Xã Nậm Lạnh</i>	190	190	4	
	Bản Huổi Hịa	47	47	1	
	Bản Hua Lạnh	75	75	1	
	Bản Pá Vai và Cang kéo	21	21	1	
	Bản Cang Kéo	29	29	1	
	Bản Cang Kéo (KDC Nậm Căn)	18	18		
4	<i>Xã Dồm Cang</i>	219	59	2	
	Bản Pá Hóc	23	23	1	
	Bản Huổi Yên	36	36	1	
	Bản Cang Tợ	35			
	Bản Men	26			
	Bản Pật	99			
<b>VII</b>	<b>Huyện Mai Sơn</b>	<b>1173</b>	<b>814</b>	<b>28</b>	<b>72.086.305.000</b>
1	<i>Xã Phiêng Cầm</i>	246	192	8	
	Bản Nong Tàu Thái	28	28	1	
	Bản Nong Tàu Mông	12	12	1	
	Nậm Pút (nhóm Phiêng Ban)	24			
	Tong Chinh	25	25	1	



TT	Tên bản	Đầu tư năm 2020			Tổng dự toán
		Tổng số hộ	Trong đó số hộ chưa được sử dụng điện	Số bản, cụm dân cư chưa được sử dụng điện	
	Lọng Hòm				
	Bản An Mạ	18	18	1	
	Bản Xà Nghè	20	20	1	
	Huổi Nhà (Khơ mú)	36	36	1	
	Bản Phiêng Phụ A	30			
	Bản Phiêng Phụ B	23	23	1	
2	<i>Xã Chiềng Luông</i>	30	30	1	
	Bản Mòn 2	173	152	5	
	Nà Rằm	21			
	Buôm Khoang	32	32	1	
	Búa Bon	38	38	1	
	Phiêng Nội	31	31	1	
	Thảm Phẳng	23	23	1	
		28	28	1	
3	<i>Xã Chiềng Đông</i>	60	60	2	
	Bản Pặc Ngần	52	52	1	
	Bản Pha Đin	8	8	1	
4	<i>Xã Chiềng Chung</i>	59	59	2	
	Bản Xam Ta	19	19	1	
	Bản Ít Hò	40	40	1	



TT	Tên bản	Đầu tư năm 2020			Tổng dự toán
		Tổng số hộ	Trong đó số hộ chưa được sử dụng điện	Số bản, cụm dân cư chưa được sử dụng điện	
5	<i>Xã Nà Ốt</i>	189	189	6	
	Pá Khoang	19	19	1	
	Xúm Hom	34	34	1	
	Pá Chà	21	21	1	
	Nặm Lanh	43	43	1	
	Huổi Kệt	32	32	1	
	Nà Un	40	40	1	
6	<i>Xã Chiềng Kheo</i>	218	49	1	
	Bản Có (Nhóm Dốc Xi Nạ)	45			
	Bản Buốt (Khu Bản Phiêng)	23			
	Bản Buốt (Khu Nong Nặm)	30			
	Bản Tô Văn	17			
	Bản Nà Viên	25			
	Bản Páng Săng A	29			
	Bản Páng Săng B	49	49	1	
7	<i>Xã Phiêng Pằn</i>	97	97	3	
	Kết Hay	37	37	1	
	Co Hay	28	28	1	
	Bản Pèn	32	32	1	





TT	Tên bản	Đầu tư năm 2020			Tổng dự toán
		Tổng số hộ	Trong đó số hộ chưa được sử dụng điện	Số bản, cụm dân cư chưa được sử dụng điện	
8	Xã Chiềng Sung				
	Bản Bãi Tắm	49	0	0	
		49			
9	Xã Cò Nòi	82	16	1	<i>bổ sung</i>
	Cụm dân cư bản Cò Nòi	16	16	1	
	Bản Phiêng Nậm (Xóm Vật Tư + Xóm Hồ Nong Ô + Xóm Nhà Văn Hoá + Xóm Đồi Độc Lập)	45			
	Bản Mu Kít	21			
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sông Mã</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>1</b>	<i>bổ sung</i>
1	Xã Mường Cai	55	55	1	
	Bản Ta Lát	55	55	1	




## Phụ lục 04:


**ĐANH SÁCH CÁC XÃ, BẢN ĐƯỢC ĐẦU TƯ TỪ DỰ ÁN ĐIỆN NÔNG THÔN**

(Kèm theo Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên gói thầu	Tổng dự toán các gói thầu	Lũy kế giá trị thanh toán hết năm 2020	Tổng nhu cầu vốn 2021	Dự kiến vốn được phân bổ năm 2021					Ghi chú
					Tổng	Vốn hỗ trợ có mục tiêu TW	Vốn Sự nghiệp KT	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngành điện + huyện	
	<b>CỘNG (A+B+C):</b>	<b>847.284.000</b>	<b>501.782.245</b>	<b>292.445.789</b>	<b>257.856.000</b>	<b>182.856.000</b>	<b>20.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	
A	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Sơn La theo Quyết định số 1740/QĐ-TTg	842.284.000	501.782.245	287.445.789	252.856.000	182.856.000	20.000.000	50.000.000		
	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Sơn La, giai đoạn 2016 - 2020	842.284.000	501.782.245	287.445.789	252.856.000	182.856.000	20.000.000	50.000.000		
1	Thanh toán gói thầu tư vấn	60.008.261	45.269.746	5.000.000	5.000.000		5.000.000			
2	Công tác đo đạc và thu hồi đất	6.707.028		5.000.000	3.000.000		3.000.000			
3	Thanh toán gói thầu xây lắp đã	415.552.540	384.689.411	20.316.924	30.863.129	5.366.850	0	25.496.279		



TT	Đền gói thầu  <i>hoàn thành hết năm 2020</i>	Tổng dự toán các gói thầu	Lũy kế giá trị thanh toán hết năm 2020	Tổng nhu cầu vốn 2021	Dự kiến vốn được phân bổ năm 2021					Ghi chú
					Tổng	Vốn hỗ trợ có mục tiêu TW	Vốn Sự nghiệp KT	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngành điện + huyện	
1	06 gói thầu thi công xây lắp đã triển khai 2016-2017	84.568.704	84.568.704	0	0					
2	Thanh toán 03 gói thầu thi công xây lắp 2018	145.856.912	135.310.707		10.546.205			10.546.205		
3	Thanh toán 3 gói thầu thi công xây lắp năm 2019	76.418.722	63.410.000	13.008.722	13.008.722	5.366.850		7.641.872		
4	Thanh toán 04 xây lắp (Nguồn vốn EU) năm 2018	108.708.202	101.400.000	7.308.202	7.308.202			7.308.202		
<b>4</b>	<b>Triển khai gói thầu dự kiến đóng điện năm 2020</b>	<b>198.566.913</b>	<b>71.823.088</b>	<b>111.824.533</b>	<b>106.905.241</b>	<b>90.905.241</b>	<b>0</b>	<b>16.000.000</b>		
	Triển khai 04 gói thầu thi công xây lắp năm 2020 huyện Phù Yên, Mai Sơn	99.373.994	60.033.088	34.340.906	29.340.906	21.340.906		8.000.000		



TT	Tên gói thầu	Tổng dự toán các gói thầu	Lũy kế giá trị thanh toán hết năm 2020	Tổng nhu cầu vốn 2021	Dự kiến vốn được phân bổ năm 2021					Ghi chú
					Tổng	Vốn hỗ trợ có mục tiêu TW	Vốn Sự nghiệp KT	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngành điện + huyện	
	Triển khai 05 gói thầu (điều chỉnh bổ sung QĐ 2634)	99.192.919	11.790.000	77.483.627	77.564.335	69.564.335		8.000.000		
<b>5</b>	<b>Dự kiến triển khai các gói thầu năm 2021</b>	<b>161.449.258</b>		<b>145.304.332</b>	<b>107.087.630</b>	<b>86.583.909</b>	<b>12.000.000</b>	<b>8.503.721</b>		
	Triển 03 gói thầu tại huyện Sốp Cộp	54.211.057		48.789.951	36.500.000	29.700.000	4.000.000	2.800.000		
	Triển khai các gói thầu tại huyện Vân Hồ, Yên Châu, Mường La, Thuận Châu, Mai Sơn	107.238.201		96.514.381	70.587.630	56.883.909	8.000.000	5.703.721		
<b>II</b>	<b>Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Sơn La</b>									Triển khai khi có KH ghi vốn trung hạn 2021-2025
<b>B</b>	<b>Dự án lồng ghép các huyện</b>	<b>1.100.000</b>		<b>1.100.000</b>	<b>1.100.000</b>				<b>1.100.000</b>	
<b>C</b>	<b>Ngành điện đầu tư phát triển công tư mới</b>	<b>3.900.000</b>		<b>3.900.000</b>	<b>3.900.000</b>				<b>3.900.000</b>	